

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-ST
Ngày 28 – 4 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Huy Sơn.

2. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Trương Anh U, sinh năm 1980, cư trú: Số B, ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà La Thị Cẩm L, sinh năm 1980, cư trú: Số B, ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Bà Trần Thị Đ đã cho ông Trương Anh U vay tiền vào 05 lần, cụ thể:

- Ngày 01-4-2020 âm lịch (tháng 4 trước), vay số tiền 6.000.000 đồng. Khi vay, ông U có thể chấp cho bà Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 441, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy

ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông U và bà L ngày 16-12-2015. Khoản vay này ông U đóng lãi được 3 tháng (ngày 01-4, ngày 01-5 và ngày 01-6) với số tiền 540.000 đồng.

- Ngày 18-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau), vay số tiền 6.000.000 đồng. Khoản vay này ông U đóng lãi được hai lần ngày 18-5 và ngày 18-6.

- Ngày 26-4-2020 âm lịch (tháng 4 sau), vay số tiền 5.000.000 đồng. Khoản vay này ông U đóng lãi được 01 lần ngày 26-5 với số tiền 150.000 đồng.

- Ngày 15-6-2020 âm lịch, vay số tiền là 40.000.000 đồng. Trong lần vay này ông U thỏa thuận trả dần mỗi tháng đóng 4.000.000 đồng, 15 ngày gửi một lần là 2.000.000 đồng. Khoản vay này ông U đã đóng lãi trước 2.000.000 đồng vào ngày 15-6-2020 (cùng ngày vay).

- Ngày 24-5-2020 âm lịch, vay số tiền là 10.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày sau trả nợ. Khi vay, ông U thế chấp cho bà Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1084, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L ngày 16-12-2015. Khoản vay này ông U chưa đóng lãi.

Việc ông Trương Anh U vay tiền vào các lần vay nêu trên là nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và vợ ông U là bà La Thị Cẩm L (C) đều biết việc ông U vay tiền của bà Đ.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị Đ yêu cầu ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L trả cho bà tổng số tiền là 67.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay của từng khoản vay nêu trên cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Khi ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L trả hết nợ cho bà thì bà đồng ý trả lại cho ông U và bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Ý kiến của các bị đơn Trương Anh U và La Thị Cẩm L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tuy nhiên, các bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày về giao dịch vay tiền giữa bà và ông Trương Anh U chỉ thể hiện bằng 05 biên nhận đã cung cấp. Ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác và không có ai chứng kiến. Theo các biên nhận này thì giữa các bên không có thỏa thuận trả lãi. Việc ông Trương Anh U có đóng cho bà một phần lãi là do thỏa thuận riêng nhưng hai bên không có gì để chứng minh nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi ở các khoản vay không kỳ hạn vào ngày 01-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng), ngày 18-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng) và ngày 26-4-2020 âm lịch (5.000.000 đồng), bà không yêu cầu tính lãi phần này. Đồng thời, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản vay có kỳ hạn vào ngày 15-6-2020 âm lịch và ngày 24-5-2020 âm lịch, yêu cầu tính

lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn đang cư trú tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn Trương Anh U và La Thị Cẩm L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi ở các khoản vay ngày 01-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng), ngày 18-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng) và ngày 26-4-2020 âm lịch (5.000.000 đồng). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với các khoản vay ngày 15-6-2020 âm lịch và ngày 24-5-2020 âm lịch, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, xác định đây là 02 khoản vay có kỳ hạn và không thỏa thuận lãi trong các giấy tờ giao dịch, nên yêu cầu HĐXX tính lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn trả nợ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số nợ gốc đã vay tổng cộng 67.000.000 đồng: Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp 05 biên nhận tương ứng với 05 lần vay tiền:

- Ngày 01-4-2020 âm lịch vay số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 18-4-2020 âm lịch vay số tiền 6.000.000 đồng;
- Ngày 26-4-2020 âm lịch vay số tiền 5.000.000 đồng;
- Ngày 24-5-2020 âm lịch vay số tiền là 10.000.000 đồng;
- Ngày 15-6-2020 âm lịch vay số tiền là 40.000.000 đồng.

[6] Các biên nhận do nguyên đơn cung cấp đều có thể hiện chữ ký, chữ viết của bị đơn Trương Anh U. Đồng thời, theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp, thì

hiện tại nguyên đơn đang giữ bản chính 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất thuộc thửa 1084 và thửa 441 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L cùng ngày 16-12-2015. Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm thì các bị đơn đều vắng mặt. Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án thông báo hợp lệ cho các bị đơn nhưng các bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu là 67.000.000 đồng theo 05 biên nhận vay tiền nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi đối với các khoản vay vào ngày 24-5-2020 âm lịch với số tiền 10.000.000 đồng và ngày 15-6-2020 âm lịch với số tiền 40.000.000 đồng: Theo nội dung biên nhận của 02 lần vay tiền này thì các bên không có thuận về lãi, nhưng giữa các bên có thuận thời gian trả nợ. Cụ thể theo biên nhận ngày 24-5-2020 thì các bên thỏa thuận trong vòng 10 ngày trả, còn biên nhận ngày 15-6-2020 thì hai bên thỏa thuận trả góp mỗi tháng 2 lần vào ngày 15 và 30 âm lịch của tháng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thỏa thuận thì phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 24-5-2020 âm lịch, hai bên thỏa thuận 10 ngày trả. Do đó, ngày bắt đầu tính lãi được xác định từ ngày 04-6-2020 âm lịch (nhằm ngày 24-7-2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 09 tháng 04 ngày $\times 10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 2.750.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Đối với khoản vay 40.000.000 đồng ngày 15-6-2020 âm lịch, hai bên thỏa thuận 15 ngày trả một lần, trả lần đầu là ngày 15-6-2020 đến lần thứ 2 thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày bắt đầu tính lãi được xác định tính từ ngày 30-6-2020 âm lịch, nhưng do tháng 6-2020 âm lịch không có ngày 30 nên ngày được tính là ngày cuối tháng 29-6-2020 (nhằm ngày 18-8-2020 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 02 năm 08 tháng 10 ngày $\times 40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 10.734.600 \text{ đồng}$ (làm tròn), được trừ vào số tiền lãi đã gửi trước 2.000.000 đồng (vào cùng ngày vay), còn lại 8.734.600 đồng. Tổng cộng nợ lãi là 11.484.600 đồng.

[9] Đối với việc bị đơn khi vay tiền có giao cho nguyên đơn 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thỏa thuận để thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Việc thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai nên chưa có hiệu lực, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 188 của Luật Đất đai. Mặc dù phía bị đơn không có yêu cầu trả lại, nhưng do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã được HĐXX chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất thuộc thửa 1084 và thửa 441

cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L cùng ngày 16-12-2015.

[10] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà La Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới cùng với ông Trương Anh U trả số tiền vay: Mặc dù bà L không ký tên vào các biên nhận vay tiền, nhưng đây là khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Các bị đơn Trương Anh U và La Thị Cẩm L không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các khoản vay này là nợ riêng của ông U. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà La Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông Trương Anh U trả số tiền nợ vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[11] Từ những phân tích trên, HĐXX đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về việc trả lãi ở các khoản vay ngày 01-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng), ngày 18-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng), ngày 26-4-2020 âm lịch (5.000.000 đồng) và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

[12] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả lãi ở các khoản vay ngày 01-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng), ngày 18-4-2020 âm lịch (6.000.000 đồng) và ngày 26-4-2020 âm lịch (5.000.000 đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Đ.

Buộc các bị đơn Trương Anh U và La Thị Cẩm L (C) có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Đ số tiền vay còn nợ tổng cộng là 78.484.600 đồng (tám mươi triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) trong đó vốn gốc là 67.000.000 đồng và tiền lãi 11.484.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Buộc nguyên đơn Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả cho các bị đơn Trương Anh U và La Thị Cẩm L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1084, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 441, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L cùng ngày 16-12-2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Trương Anh U và bà La Thị Cẩm L có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.924.230 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi đồng).

- Nguyên đơn bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm